

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 4 -2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Út

2. Bà Trần Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Quỳnh Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường xử án, Tòa án nhân dân Khu vực 5- Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số nhà C đường V, Tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2025 và quá trình tố tụng, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Bùi Văn K sau một thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 26/11/2021. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 04/2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kéo dài đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, không tin tưởng nhau về thu nhập cũng

nếu chi tiêu trong gia đình nên thường xuyên cãi vã về chuyện tiền bạc. Hiện vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11/2023 cho đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Bùi Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Hoàng Việt A, sinh ngày 03/6/2023. Thời gian vợ chồng không sống chung, trẻ Việt A sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Việt A; yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hiện bà làm giáo viên, thu nhập bình quân mỗi tháng 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), ông K nhân viên Trạm cấp nước, hiện nay thu nhập bao nhiêu bà không biết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Quá trình tố tụng Bị đơn ông Bùi Văn K trình bày:*

Vợ chồng ông kết hôn vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung nhà cha mẹ vợ. Tháng 10/2022, vợ chồng thuê nhà sống tự lập; từ đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền bạc, khi sống tự lập, hầu hết các chi phí thuê nhà, sinh hoạt đều do ông chi trả, đến khi sinh con V, ông có ý muốn bà T chi thêm tiền chăm sóc con do ông đang khó khăn về tài chính nhưng bà T không đồng ý. Tháng 7/2022, bà T tập huấn tại Trường tiểu học H, TP . - T gần nhà ba mẹ ông nhưng bà T không liên hệ cũng không về nhà thăm ba mẹ ông, mà chỉ sống chung với gia đình chị vợ (chị gái bà T), mặc dù ông có góp ý nhưng vợ vẫn tiếp tục ở tại nhà chị vợ, trong khi thời điểm đó chị vợ không ở nhà, nhà chỉ có anh rể nên ông thấy không phù hợp với thuần phong mỹ tục. Tháng 4/2023, ông biết được vợ có mức lương cao hơn nhiều so với mức lương vợ cho ông biết, phần chênh lệch vợ chuyển sang một tài khoản khác, ông không biết tài khoản đó của ai, khi ông hỏi thì vợ không trả lời nên vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 5/2023, vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Thời gian đầu xa nhau, ông có nhắn tin làm lành với vợ nhưng không thành. Sau đó, vợ chồng vẫn liên hệ được một thời gian nhưng đều xảy ra mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Hoàng Việt A, sinh ngày 03/6/2023. Việt A hiện đang sống cùng vợ ông. Thu nhập nghề giáo của vợ trung bình mỗi tháng khoảng 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) đến 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Ông làm Trạm trưởng Trạm cấp nước, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con Việt A cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Tại Phiên họp hòa giải ngày 06/3/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và Bị đơn ông Bùi Văn K tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Ông K đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà khởi kiện của bà T, ông K đồng ý giao con chung V cho bà T

trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do đó, Thẩm phán lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành.

Tuy nhiên, đến ngày 12/3/2026 Tòa án nhận được Đơn của ông K có ý kiến về sự thỏa thuận theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nêu trên.

- *Ý kiến của Đại diện Viên kiểm sát:*

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần 2 dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ; về Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn Bị đơn ông Bùi Văn K; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Hoàng Việt A, sinh ngày 03/6/2023 và yêu cầu ông Bùi Văn K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa theo quy định tại Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, Bị đơn tiếp tục vắng mặt lần 2, dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Bùi Văn

K. Nhận thấy, bà T, ông K đều xác định nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là vì không tin tưởng nhau về thu nhập, chi tiêu trong gia đình, ngoài ra còn do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; cả hai đều thừa nhận thời gian xa nhau vợ chồng không còn qua tâm đến nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Điều này chứng tỏ hôn nhân của ông, bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về giao người trực tiếp nuôi con chung:

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Hoàng Việt A, sinh ngày 03/6/2023. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, trẻ Việt A sống ổn định với mẹ, sức khỏe được đảm bảo, hiện trẻ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ; hơn nữa, ông K cũng thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về giao người trực tiếp nuôi con của Nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo Khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”; vậy nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của Nguyên đơn là chính đáng, có căn cứ. Mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập hiện nay của con; hơn nữa quá trình tố tụng, ông K cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của Nguyên đơn; Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông Bùi Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Bùi Văn K.

2. Về giao người trực tiếp nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Hoàng Việt

A, sinh ngày 03/6/2023.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với con chung; không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông Bùi Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002902 ngày 27/10/2025 của Thi T1 án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai, sơ thẩm, Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 5, Khánh Hòa;
- UBND xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nguyên Vy